

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 32-KH/TU ngày 31/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 213-KL/TW ngày 21/11/2025 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư

Thực hiện Kế hoạch số 32-KH/TU ngày 31/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (sau đây viết tắt là Kế hoạch số 32-KH/TU) về thực hiện Kết luận số 213-KL/TW ngày 21/11/2025 của Ban Bí thư (sau đây viết tắt là Kết luận số 213-KL/TW) về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư (sau đây viết tắt là Chỉ thị số 42-CT/TW) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

1.1. Triển khai thực hiện hiệu quả Kết luận số 213-KL/TW ngày 21/11/2025, Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư và Kế hoạch số 32-KH/TU ngày 31/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

1.2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; xác định rõ trách nhiệm của các Sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các cấp trong công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

1.3. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, địa phương và Nhân dân đối với công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai; chủ động phòng ngừa, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra.

1.4. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong triển khai các nhiệm vụ, giải pháp phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

2.1. Các Sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân xã, phường tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc các nội dung của Kế hoạch số 32-KH/TU; bảo đảm thiết thực, hiệu quả, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao.

2.2. Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương; phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

2.3. Việc triển khai thực hiện phải gắn với các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và thích ứng với biến đổi khí hậu của tỉnh.

2.4. Xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể; phân công rõ nhiệm vụ, thời gian thực hiện; tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và ưu tiên bố trí nguồn lực để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai.

II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp trong phòng, chống thiên tai

1.1. Các Sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân xã, phường tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc các nội dung của Chỉ thị số 42-CT/TW, Kết luận số 213-KL/TW và Kế hoạch số 32-KH/TU; chủ động thích ứng biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan, tôn trọng quy luật tự nhiên, bảo đảm phát triển bền vững, phù hợp với điều kiện thực tế và đặc điểm thiên tai trên địa bàn tỉnh.

1.2. Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành theo hướng chủ động, linh hoạt; phân công, phân cấp rõ trách nhiệm của các Sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường và người đứng đầu trong công tác phòng, chống thiên tai, bảo đảm “rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, rõ kết quả”; gắn trách nhiệm phòng, chống thiên tai với công tác quản lý nhà nước trong đầu tư xây dựng, quản lý quy hoạch, sử dụng đất, khai thác tài nguyên nước, phát triển hạ tầng giao thông, đô thị và khu dân cư ven sông, kênh, rạch.

1.3. Lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh, của từng ngành, từng địa phương; ưu tiên các giải pháp giảm thiểu rủi ro thiên tai tại các khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của lũ, ngập sâu, sạt lở bờ sông, bờ kênh rạch, khu vực có nguy cơ hạn hán, xâm nhập mặn; bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và an toàn dân cư.

1.4. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kinh nghiệm phòng, chống thiên tai; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và các nền tảng truyền thông trong công tác thông tin, cảnh báo thiên tai. Tổ chức tập huấn, nâng cao năng lực cho lực lượng tham gia công tác phòng, chống thiên tai, cứu nạn, cứu hộ và lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai ở cơ sở; hướng dẫn cộng đồng nhận diện dấu hiệu rủi ro, thiên tai và kỹ năng ứng phó trong tình huống khẩn cấp.

1.5. Tổ chức thực hiện nghiêm phương châm “4 tại chỗ”, “3 sẵn sàng”; chủ động chuẩn bị lực lượng, phương tiện, vật tư và hậu cần tại chỗ, nhất là tại các địa bàn trọng điểm về thiên tai; nâng cao khả năng phối hợp, chủ động ứng phó của các cấp, các ngành và cộng đồng dân cư nhằm giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản khi xảy ra thiên tai.

2. Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách, phương án, quy hoạch về phòng, chống thiên tai

2.1. Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, ban hành theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách, quy định về phòng, chống thiên tai; bảo đảm phù hợp với các chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật và điều kiện thực tế của tỉnh; đồng thời lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội của địa phương.

2.2. Rà soát, cập nhật các phương án, quy trình vận hành công trình thủy lợi, hệ thống cống, đập, kênh, rạch phục vụ phòng, chống thiên tai, bảo đảm chủ động tiêu thoát lũ, điều tiết nguồn nước, phục vụ sản xuất và đời sống Nhân dân.

2.3. Tổ chức rà soát, đánh giá mức độ an toàn và khả năng chống chịu của hệ thống cơ sở hạ tầng trên địa bàn tỉnh trước tác động của thiên tai, đặc biệt là các công trình thiết yếu như: cơ sở y tế, trường học, hệ thống giao thông, khu dân cư, khu đô thị, hệ thống đê bao, bờ bao, cống, đập và các công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ kênh rạch; kịp thời đề xuất phương án nâng cấp, sửa chữa, gia cố các công trình xung yếu nhằm giảm thiểu thiệt hại do thiên tai.

2.4. Rà soát, bổ sung, hoàn thiện các phương án huy động nguồn lực, vật tư, phương tiện phục vụ công tác phòng, chống thiên tai và khắc phục hậu quả thiên tai; chủ động chuẩn bị các nguồn lực cần thiết để kịp thời hỗ trợ Nhân dân khắc phục hậu quả khi xảy ra thiên tai.

2.5. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch, phương án phòng, chống thiên tai của các ngành, các cấp phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; bảo đảm duy trì hoạt động an toàn, liên tục của các công trình, cơ sở hạ tầng thiết yếu như bệnh viện, trường học, hệ thống giao thông, điện, thông tin liên lạc khi xảy ra thiên tai.

2.6. Rà soát, cập nhật các kịch bản ứng phó với thiên tai phù hợp với tình hình thực tế; xây dựng và tổ chức diễn tập các phương án ứng phó, sơ tán dân tại các khu vực có nguy cơ cao bị ngập sâu, sạt lở nhằm bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản của Nhân dân.

2.7. Lồng ghép các yêu cầu về phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu trong quy hoạch, kế hoạch phát triển đô thị, khu dân cư và các công trình hạ tầng; tăng cường quản lý, bảo vệ hành lang sông, kênh, rạch và không gian thoát lũ nhằm bảo đảm khả năng tiêu thoát lũ, giảm thiểu rủi ro thiên tai.

3. Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

3.1. Tổ chức rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy nhằm bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất, hiệu quả trong công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh; sắp xếp, kiện toàn hệ thống Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự các cấp theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, địa phương và từng thành viên Ban Chỉ huy. Xây dựng, ban hành và thực hiện

nghiêm quy chế phối hợp liên ngành; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kịp thời khắc phục tình trạng chồng chéo, bị động trong xử lý các tình huống thiên tai. Đồng thời, rà soát, hoàn thiện cơ chế quản lý và sử dụng Quỹ phòng, chống thiên tai, Quỹ phòng thủ dân sự cấp tỉnh bảo đảm đúng quy định, hiệu quả và bền vững.

3.2. Củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã; bảo đảm đủ lực lượng, trang thiết bị và khả năng xử lý kịp thời các tình huống thiên tai theo phương châm “4 tại chỗ”.

3.3. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho lực lượng làm công tác phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và lực lượng tham gia ứng phó tại địa phương nhằm nâng cao năng lực chỉ huy, điều hành và kỹ năng xử lý tình huống thiên tai.

3.4. Từng bước nâng cao năng lực, trang thiết bị phục vụ công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trong các tình huống thiên tai, đặc biệt là các tình huống ngập sâu, sạt lở bờ sông, chia cắt giao thông; triển khai thực hiện các chương trình, đề án của Trung ương về nâng cao năng lực ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn phù hợp với điều kiện của tỉnh.

4. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo và ứng dụng khoa học – công nghệ

4.1. Rà soát, đề xuất và triển khai các cơ chế, chính sách thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong công tác phòng, chống thiên tai; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, theo dõi và điều hành công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.

4.2. Ưu tiên nguồn lực để triển khai các chương trình, đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ phòng, chống thiên tai; áp dụng các giải pháp kỹ thuật phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương nhằm nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, gắn với phát triển kinh tế – xã hội bền vững.

4.3. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo và theo dõi diễn biến thiên tai; từng bước hiện đại hóa hệ thống quan trắc, giám sát phục vụ công tác dự báo, cảnh báo mưa, lũ, ngập lụt, sạt lở bờ sông, bờ kênh rạch trên địa bàn tỉnh; cung cấp thông tin kịp thời, chính xác phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức ứng phó thiên tai.

4.4. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ viễn thám, ảnh vệ tinh, thiết bị bay không người lái (UAV), hệ thống thông tin địa lý (GIS) và các công nghệ số trong theo dõi, giám sát thiên tai, đánh giá rủi ro và hỗ trợ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành phòng, chống thiên tai.

4.5. Từng bước xây dựng, cập nhật và quản lý cơ sở dữ liệu về thiên tai và biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh; xây dựng bản đồ rủi ro thiên tai, đặc biệt đối với các loại hình thiên tai thường xảy ra như lũ, ngập lụt, sạt lở bờ sông, bờ kênh

rạch; phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành và cung cấp thông tin kịp thời cho chính quyền và người dân.

4.6. Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu tham gia nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ trong công tác phòng, chống thiên tai; thúc đẩy hợp tác, chia sẻ thông tin và kinh nghiệm nhằm nâng cao hiệu quả quản lý rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh.

5. Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực cho công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai

5.1. Rà soát, ưu tiên bố trí nguồn lực trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026–2030 và nguồn dự phòng ngân sách hằng năm để thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án trọng điểm về phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh. Tập trung xử lý kịp thời, triệt để các sự cố khẩn cấp về đê điều, thủy lợi, giao thông, điện, thông tin liên lạc, y tế, giáo dục nhằm bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản của Nhân dân và duy trì hoạt động thiết yếu khi xảy ra thiên tai. Ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư cho các nhóm dự án trọng điểm, gồm:

- Bố trí, sắp xếp ổn định dân cư tại các khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai, nhất là khu vực nguy cơ sạt lở bờ biển, ven biển, bờ sông kênh, rạch.

- Đầu tư, nâng cấp hệ thống đê bao, kè, công trình phòng, chống khắc phục sạt lở bờ sông, kênh, rạch.

- Hoàn thiện hệ thống thủy lợi, cống điều tiết, công trình kiểm soát lũ, ngập úng, xâm nhập mặn; bảo đảm cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt.

- Nâng cấp hạ tầng giao thông, thoát nước đô thị, khu dân cư tập trung và các công trình công cộng thiết yếu, bảo đảm khả năng kết nối, duy trì hoạt động kinh tế – xã hội trong các tình huống thiên tai.

(Danh mục dự án theo Phụ lục 01, 02 đính kèm)

5.2. Rà soát, điều chỉnh và lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai trong các quy hoạch ngành, quy hoạch có tính chất chuyên ngành và quy hoạch phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh; bảo đảm yêu cầu phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro thiên tai, đặc biệt tại các khu vực ven sông, kênh rạch, khu vực có nguy cơ sạt lở, ngập sâu và khu vực đông dân cư.

5.3. Tăng cường đầu tư phương tiện, trang thiết bị, vật tư cần thiết phục vụ công tác phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và cứu hộ; đảm bảo đáp ứng yêu cầu ứng phó trong các tình huống thiên tai như lũ, ngập sâu, sạt lở bờ sông, chia cắt giao thông, góp phần giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản.

6. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng

6.1. Đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền về phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai theo hướng thiết thực, dễ hiểu, phù hợp với từng nhóm đối tượng và đặc điểm từng vùng trên địa bàn tỉnh; kết hợp tuyên truyền thường xuyên với tuyên truyền theo tình huống, theo mùa thiên tai. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, mạng xã hội, hệ thống thông tin cơ sở, loa truyền thanh, tin nhắn cảnh báo và các phương tiện truyền thông đại chúng để kịp thời cung cấp thông tin, hướng dẫn kỹ năng ứng phó cho người dân.

6.2. Tổ chức bồi dưỡng, nâng cao năng lực tuyên truyền, vận động, hướng dẫn phòng, chống thiên tai cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng xung kích và người làm công tác thông tin, tuyên truyền ở cơ sở; chú trọng trang bị kiến thức, kỹ năng nhận biết rủi ro, xử lý tình huống khẩn cấp và hướng dẫn người dân thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó, sơ tán, bảo đảm an toàn khi xảy ra thiên tai, nhất là tại các khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi lũ, sạt lở, ngập úng.

6.3. Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể đẩy mạnh tuyên truyền, vận động Nhân dân chủ động tham gia phòng, chống thiên tai tại cộng đồng; lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào các phong trào, cuộc vận động, hoạt động sinh hoạt cộng đồng; ưu tiên tuyên truyền, hướng dẫn cho các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương như người già, trẻ em, người khuyết tật, hộ nghèo nhằm nâng cao khả năng tự bảo vệ, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra.

7. Tăng cường hợp tác, hội nhập quốc tế

7.1. Tăng cường hợp tác với các Bộ, ngành Trung ương, các tỉnh, thành phố trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và các tổ chức trong nước, quốc tế nhằm trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm, phối hợp triển khai các hoạt động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai. Lồng ghép nội dung hợp tác, hội nhập trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai vào các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; cụ thể hóa bằng kế hoạch, nhiệm vụ và phân công trách nhiệm rõ ràng cho từng cơ quan, đơn vị liên quan.

7.2. Chủ động phối hợp, tham gia các chương trình, dự án hợp tác quốc tế về giảm nhẹ rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; tiếp nhận, ứng dụng công nghệ, giải pháp kỹ thuật, mô hình quản lý tiên tiến, nhất là trong lĩnh vực dự báo, cảnh báo sớm, quản lý rủi ro và nâng cao năng lực cộng đồng. Khuyến khích huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn hỗ trợ, viện trợ, tài trợ hợp pháp từ các tổ chức trong và ngoài nước phục vụ công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.

7.3. Tăng cường công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát việc triển khai các chương trình, dự án hợp tác; kịp thời đề xuất điều chỉnh, bổ sung giải pháp phù

hợp với điều kiện thực tế, bảo đảm hiệu quả, đúng quy định và phục vụ thiết thực công tác phòng, chống thiên tai của tỉnh.

8. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát trong công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai

8.1. Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của tỉnh về phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những hạn chế, bất cập trong quá trình triển khai thực hiện.

8.2. Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, phương án phòng, chống thiên tai của các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân xã, phường; tăng cường kiểm tra việc quản lý, vận hành, duy tu, bảo đảm an toàn các công trình phòng, chống thiên tai, nhất là các công trình đê bao, bờ bao, kè chống sạt lở, công trình kiểm soát lũ và tiêu thoát nước.

8.3. Gắn công tác kiểm tra, giám sát với trách nhiệm của các Sở, ban, ngành tỉnh, địa phương và người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai; kịp thời biểu dương các tập thể, cá nhân thực hiện tốt, đồng thời xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm hoặc thiếu trách nhiệm theo quy định.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch; theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân xã, phường thực hiện các nhiệm vụ về phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh; kịp thời tổng hợp, báo cáo, đề xuất các giải pháp chỉ đạo, điều hành phù hợp với diễn biến thiên tai và điều kiện thực tế.

Chủ trì rà soát, cập nhật, điều chỉnh các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, phương án phòng, chống thiên tai theo cấp độ rủi ro; tham mưu bảo đảm duy trì an toàn, vận hành liên tục các công trình phòng, chống thiên tai, thủy lợi, đê bao, kè, công trình kiểm soát lũ, hạn hán, xâm nhập mặn; đề xuất các giải pháp nâng cấp, sửa chữa, gia cố các công trình xung yếu, khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ, ngập úng, sạt lở.

Chủ trì phối hợp tổ chức theo dõi, dự báo, cảnh báo thiên tai; xây dựng, quản lý, cập nhật cơ sở dữ liệu, bản đồ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh ứng dụng khoa học – công nghệ, chuyển đổi số trong công tác phòng, chống thiên tai; hướng dẫn, kiểm tra việc lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội, quy hoạch đô thị, nông thôn, sản xuất trên địa bàn tỉnh.

Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, hoàn thiện cơ chế quản lý và sử dụng Quỹ phòng, chống thiên tai cấp tỉnh theo quy định.

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền, tập huấn, nâng cao năng lực cho lực lượng làm công tác phòng, chống thiên tai các cấp; tham gia hợp tác, phối hợp liên vùng, liên ngành và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai theo quy định.

Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 15/11 hằng năm để xem xét, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định hoặc đột xuất theo yêu cầu cấp thẩm quyền.

2. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương tổ chức lực lượng, phương tiện sẵn sàng tham gia phòng ngừa, ứng phó, cứu nạn, cứu hộ và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh; bảo đảm kịp thời, hiệu quả, an toàn cho Nhân dân.

Xây dựng và triển khai phương án huy động lực lượng, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ công trình trọng điểm, khu vực xung yếu, hỗ trợ sơ tán dân, cứu trợ khẩn cấp khi xảy ra thiên tai.

Phối hợp tham gia huấn luyện, diễn tập, tuyên truyền nâng cao năng lực ứng phó thiên tai; tham gia đánh giá thiệt hại, khắc phục hậu quả và phục hồi sau thiên tai theo chức năng, nhiệm vụ.

3. Sở Y tế

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương triển khai các nhiệm vụ bảo đảm y tế và an sinh xã hội trong phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh; chủ động phương án cấp cứu, chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, bảo đảm an toàn vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, nước sinh hoạt và thực hiện kịp thời các chính sách trợ giúp xã hội cho người dân vùng bị ảnh hưởng.

Chỉ đạo rà soát, tổng hợp nhu cầu hỗ trợ đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi thiên tai, nhất là các nhóm dễ bị tổn thương; chuẩn bị đầy đủ thuốc, vật tư, trang thiết bị y tế và tổ chức các hoạt động cứu trợ, hỗ trợ khẩn cấp, phục hồi sinh kế theo quy định.

4. Sở Nội vụ

Phối hợp với các Sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân xã, phường rà soát, tham mưu kiện toàn tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ và cơ chế phối hợp của các cơ quan, đơn vị tham gia công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh; bảo đảm tinh gọn, thống nhất, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp và yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

5. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí và quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực phục vụ công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai theo quy định; lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của tỉnh, bảo đảm phù hợp với khả năng ngân sách và yêu cầu thực tiễn.

Phối hợp rà soát, tham mưu ưu tiên bố trí vốn cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ trọng điểm về phòng, chống thiên tai; hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí, nguồn viện trợ, tài trợ và các nguồn lực hợp pháp khác cho công tác phòng, chống thiên tai theo đúng quy định, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả.

Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Quỹ phòng thủ dân sự cấp tỉnh theo đúng quy định hiện hành.

6. Sở Xây dựng

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương rà soát, tham mưu triển khai các nhiệm vụ về quy hoạch, đầu tư xây dựng, quản lý và khai thác hệ thống hạ tầng đô thị, khu dân cư và hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh theo hướng an toàn, thích ứng với điều kiện lũ, ngập sâu, sạt lở bờ sông, bờ kênh, rạch; bảo đảm phù hợp với đặc thù tỉnh Đồng Tháp và yêu cầu phòng, chống thiên tai trong tình hình mới.

Tổ chức rà soát, đánh giá mức độ an toàn và khả năng chống chịu thiên tai của nhà ở, công trình công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu dân cư ven sông, ven kênh, rạch và hệ thống giao thông đường bộ, cầu, cống, bến phà, đường giao thông nông thôn; kịp thời tham mưu phương án sửa chữa, gia cố, nâng cấp các công trình xuống cấp, xung yếu, thường xuyên chịu ảnh hưởng của lũ, ngập úng, sạt lở, bảo đảm duy trì giao thông thông suốt, an toàn cho Nhân dân trong và sau thiên tai.

Phối hợp lồng ghép yêu cầu phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu vào công tác lập, điều chỉnh quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch giao thông và các dự án đầu tư xây dựng; hướng dẫn, kiểm tra việc tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về an toàn công trình, giao thông trong điều kiện thiên tai; tham gia tổ chức khắc phục, phục hồi hạ tầng sau thiên tai theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

7. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và địa phương tham mưu, tổ chức triển khai các nhiệm vụ ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số phục vụ công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh.

Hỗ trợ nghiên cứu, đề xuất và ứng dụng các giải pháp khoa học – công nghệ phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh Đồng Tháp trong theo dõi, giám sát, dự báo, cảnh báo và quản lý rủi ro thiên tai; tham gia xây dựng, hoàn thiện và khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu, bản đồ rủi ro thiên tai phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

Phối hợp với các viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức khoa học và doanh nghiệp để chuyển giao, ứng dụng các giải pháp khoa học – công nghệ hiệu quả, góp phần nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai gắn với phát triển bền vững của tỉnh.

8. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và địa phương triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn trường học, cơ sở giáo dục trước, trong và sau thiên tai; xây dựng phương án phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai trong ngành giáo dục.

Chỉ đạo lồng ghép nội dung giáo dục kỹ năng phòng, chống thiên tai, ứng phó với rủi ro, bảo đảm an toàn cho học sinh, giáo viên; phối hợp rà soát, đề xuất sửa chữa, khắc phục cơ sở vật chất trường lớp bị ảnh hưởng, bảo đảm duy trì hoạt động dạy và học ổn định sau thiên tai.

9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và địa phương bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai; hướng dẫn, chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền, cảnh báo kịp thời, chính xác đến người dân.

Phối hợp quản lý, vận hành an toàn hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin; theo dõi, tổng hợp và báo cáo tình hình thông tin, truyền thông liên quan đến thiên tai phục vụ công tác chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tăng cường vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách; đẩy mạnh công tác vận động Nhân dân tích cực thực hiện Kết luận số 213-KL/TW, Chỉ thị số 42-CT/TW và Kế hoạch này, nhằm bảo đảm hiệu quả, đúng đối tượng và phù hợp với thực tiễn địa phương.

11. Các Sở, ban, ngành tỉnh

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện các nội dung của Kế hoạch này; lồng ghép yêu cầu phòng, chống thiên tai vào chương trình, kế hoạch công tác hằng năm và lĩnh vực phụ trách.

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan trong phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai; kịp thời báo cáo, đề xuất giải pháp khi phát sinh tình huống vượt thẩm quyền.

12. Ủy ban nhân dân xã, phường

Tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn theo Kế hoạch này và tình hình thực tế tại địa phương; chủ động rà soát xây dựng, cập nhật phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro, bảo đảm sát địa bàn, khả thi và hiệu quả.

Chủ động theo dõi, nắm chắc diễn biến thiên tai; tổ chức thông tin, cảnh báo kịp thời đến người dân; thực hiện sơ tán dân, bảo vệ an toàn tính mạng, tài sản của Nhân dân khi xảy ra thiên tai; triển khai nghiêm phương châm “4 tại chỗ”, “3 sẵn sàng”, phát huy vai trò lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai ở cơ sở.

Rà soát, quản lý chặt chẽ các khu vực có nguy cơ rủi ro cao (lũ, ngập sâu, sạt lở bờ sông, bờ kênh, rạch, triều cường...); phối hợp bảo đảm an toàn các công trình, cơ sở hạ tầng thiết yếu, công trình công cộng trên địa bàn; kịp thời báo cáo, đề xuất biện pháp xử lý các tình huống vượt thẩm quyền.

Tổ chức khắc phục hậu quả thiên tai, hỗ trợ Nhân dân ổn định đời sống, phục hồi sản xuất; phối hợp thực hiện chính sách cứu trợ, an sinh xã hội đúng đối tượng, đúng quy định; tổng hợp, báo cáo tình hình thiệt hại, kết quả thực hiện về cấp trên theo quy định.

(Nhiệm vụ, giải pháp theo Phụ lục 03 đính kèm)

Yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường nghiêm túc triển khai thực hiện tốt các nội dung Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc kịp thời thông tin về Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. /- *Thư*

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Đồng Tháp;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Tháp;
- Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Đồng Tháp;
- VPUB: CVP và các PCVP;
- Trung tâm Tin học và Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, P.KT(T.Tài).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *ant*
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan
Nguyễn Thành Diệu

Phụ lục 01
DANH MỤC DỰ ÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI
ƯU TIÊN THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 342 KH-UBND ngày 24 tháng 03 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

TT	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô dự án	Quyết định phê duyệt	Chủ đầu tư	Thời gian KC -HT	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)
I	PHÒNG CHỐNG SẠT LỎ BỜ BIỂN, BỜ SÔNG						
1.1	Dự án chuyển tiếp						
1	Kè phía Tây sông Long Uông (đoạn cầu Tân Hòa đến cầu Nguyễn Văn Côn)	xã Tân Hoà		Quyết định số 1542/QĐ-UBND ngày 10/06/2025 (UBND tỉnh Tiền Giang trước sáp nhập)	BQL KV 4	2025-2027	50.958
2	Xói lở bờ biển Gò Công (đoạn từ cầu Rạch Bùn đến Đền Đỏ), huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang	xã Gò Công Đông		Quyết định số 2044/QĐ-UBND ngày 16/12/2025	Ban QLDA Nông nghiệp	2025-2028	336.000
3	Kè Kênh Ngang (đoạn từ cầu Trần Văn Ứng đến cống Ông Văn C), thị trấn Chợ Gạo	Xã Chợ Gạo		Quyết định số 2764/QĐ-UBND ngày 15/11/2024 (UBND tỉnh Tiền Giang trước sáp nhập)	BQL KV 4	2025-2027	50.775
4	Kè sông Cần Lộc	Xã Tân Điền, xã Gia Thuận		Quyết định số 1542/QĐ-UBND ngày 10/6/2025 (UBND tỉnh Tiền Giang trước sáp nhập)	BQL KV 4	2025-2027	55.000

TT	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô dự án	Quyết định phê duyệt	Chủ đầu tư	Thời gian KC -HT	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)
				Giang trước sáp nhập)			
5	30 công trình sạt lở trên địa bàn 15 xã, phường với tổng chiều dài 7.765m (đợt 1)	các xã, phường		Quyết định số 1265/QĐ-UBND ngày 24/11/2025 của UBND tỉnh	BQL KV 1 BQL KV 2 BQL KV 3	2025-2026	167.174
6	62 công trình sạt lở với tổng chiều dài 6.173m (đợt 1)	các xã, phường		Quyết định số 1265/QĐ-UBND ngày 24/11/2025 của UBND tỉnh	UBND các xã, phường	2025-2026	59.200
1.2	Dự án mở mới						
1	Kè chống sạt lở nổi Cồn Ngang và Cồn Cống	xã Tân Phú Đông		Quyết định số 1655/QĐ-UBND ngày 24/11/2025 của UBND tỉnh	Ban QLDA Nông nghiệp	2026-2029	250.000
2	Bờ kè đoạn sông từ cầu Huyện Chi đến Ngã Ba Vàm Giồng (ngã ba kênh Salicette và sông Gò Công)	phường Gò Công		Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 14/11/2025	Ban QLDA ĐTXD KV4	2026-2028	215.749
3	Kè sông Cần Lộc (giai đoạn 2)	xã Tân Điền		Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 14/11/2025	Ban QLDA ĐTXD KV4	2026-2028	74.865

TT	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô dự án	Quyết định phê duyệt	Chủ đầu tư	Thời gian KC -HT	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)
4	Kè chống sạt lở Đông Sông Trà Tân, xã Long Tiên	xã Long Tiên		Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 14/11/2025	Ban QLDA Nông nghiệp	2026-2028	100.000
5	Xử lý sạt lở sông Tiên đoạn qua cù lao Thới Sơn, cù lao Tân Long	phường Thới Sơn		Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 14/11/2025	Ban QLDA Nông nghiệp	2026-2029	500.000
6	Xử lý sạt lở sông Tiên đoạn qua phường Cao Lãnh, xã Mỹ An Hưng	phường Cao Lãnh, xã Mỹ An Hưng		Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 14/11/2025	Ban QLDA tỉnh	2026-2029	800.000
7	Xử lý sạt lở sông Tiên đoạn qua địa phận tỉnh Đồng Tháp	các xã, phường		Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 14/11/2025	Ban QLDA tỉnh	2026-2029	2.900.000
8	Đầu tư nâng cấp các tuyến đê (đê Soài Rạp; đê Đông rạch Gò Công, đê Tây rạch Gò Công, đê Long Chánh, đê Rạch Tràm - Ninh Đông, đê Nhánh 1) ngăn mặn, ngăn triều trong vùng dự án ngọt hóa Gò Công	Xã Gia Thuận, Tân Đông, phường Sơn Qui		Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 14/11/2025	Sở NN-MT	2028-2030	62.200
9	Đê biển Tân Phú Đông	Xã Tân Phú Đông		Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 14/11/2025	Ban QLDTXD Thủy lợi 10	2026-2029	1.437.000
10	Xử lý sạt lở đê ven sông Tiên tại xã An Hữu, tỉnh Đồng Tháp	xã An Hữu		Quyết định số 1710/QĐ-UBND ngày 02/12/2025	Ban QLDA Nông nghiệp	2026-2029	252.000

TT	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô dự án	Quyết định phê duyệt	Chủ đầu tư	Thời gian KC -HT	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)
11	Xử lý sạt lở bờ sông Tiền khu vực bến phà Tân Long, xã Tân Phú Đông, tỉnh Đồng Tháp	xã Tân Phú Đông		Quyết định số 1711/QĐ-UBND ngày 02/12/2025	Ban QLDA Nông nghiệp	2026-2029	196.931
12	Xử lý sạt lở bờ sông Tiền khu vực cù lao Tân Phú Đông, xã Tân Thới, tỉnh Đồng Tháp	xã Tân Thới		Quyết định số 1722/QĐ-UBND ngày 03/12/2025	Ban QLDA Nông nghiệp	2026-2028	146.878
13	Kè cọc bán nguyệt (kênh Đốc Vàng Hạ phía trước trường tiểu học thị trấn 1)	các xã, phường		Quyết định số 205/QĐ-UBND-HC ngày 14/5/2025	Ban QLDA ĐTXD KV1	2025-2026	14.480
14	Nâng cấp tuyến đê bao, kè chống sạt lở, xây dựng hệ thống cống dọc Sông Tiền, TPCL (giai đoạn 2)	các xã, phường		Quyết định số 1030/QĐ-UBND-HC ngày 29/10/2024	Ban QLDA ĐTXD KV1	2025-2026	512.480
15	Khắc phục sạt lở đường Mai Văn Khải (đoạn đoạn từ cầu Ba Sao đến cống Bộ Từ)	các xã, phường		Nghị quyết số 120/NQ-HĐND ngày 23/12/2025	Ban QLDA ĐTXD KV1	2026-2028	25.000
16	Bờ kè trên địa bàn xã Phong Hoà	xã Phong Hoà		Nghị quyết số 120/NQ-HĐND ngày 23/12/2025	Ban QLDA ĐTXD KV2	2027-2029	5.000
17	Công trình nông nghiệp trên địa bàn xã Phú Hựu	xã Phú Hựu		Nghị quyết số 120/NQ-HĐND ngày 23/12/2025	Ban QLDA ĐTXD KV2	2027-2029	415.000

TT	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô dự án	Quyết định phê duyệt	Chủ đầu tư	Thời gian KC -HT	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)
18	Công trình nông nghiệp trên địa bàn xã Phong Hoà	xã Phong Hoà		Nghị quyết số 120/NQ-HĐND ngày 23/12/2025	Ban QLDA ĐTXD KV2	2027-2028	6.000
19	Xử lý sạt lở phía trước khu vực Chợ Thiên Hộ xã Hậu Mỹ	xã Hậu Mỹ		Nghị quyết số 120/NQ-HĐND ngày 23/12/2025	Ban QLDA ĐTXD KV3	2026-2028	120.000
20	Xử lý sạt lở di dời đê trên địa bàn xã Mỹ Đức Tây, xã Cai Bè, xã Thanh Hưng	xã Mỹ Đức Tây, xã Cai Bè, xã Thanh Hưng		Nghị quyết số 120/NQ-HĐND ngày 23/12/2025	Ban QLDA ĐTXD KV3	2027-2029	150.000
21	Kè từ Công viên trái cây đến cầu Cái Bè 2	xã Cái Bè		Nghị quyết số 120/NQ-HĐND ngày 23/12/2025	Ban QLDA ĐTXD KV3	2027-2029	80.000
22	Xử lý các điểm sạt lở trên địa bàn xã Long Tiên	xã Long Tiên		Nghị quyết số 120/NQ-HĐND ngày 23/12/2025	Ban QLDA ĐTXD KV3	2026-2028	50.000
23	Cầu và bờ Kè hai bên Rạch Bà Hợp xã Cái Bè	xã Cái Bè		Nghị quyết số 120/NQ-HĐND ngày 23/12/2025	Ban QLDA ĐTXD KV3	2027-2029	35.000
24	10 công trình sạt lở trên địa bàn 07 xã, phường với tổng chiều dài 829 m (đợt 2)	các xã, phường		Quyết định số 3169/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	BQL KV 1 BQL KV 2 BQL KV 3	2026	44.703

TT	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô dự án	Quyết định phê duyệt	Chủ đầu tư	Thời gian KC -HT	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)
25	47 công trình sạt lở với tổng chiều dài 13.612m (đợt 2)	các xã, phường		Quyết định số 3169/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	UBND các xã, phường	2026	69.515
26	Khắc phục khẩn cấp sạt lở sông Tiên khu vực Kè chống xói lở bờ sông Tiên, xã Thường Phước, tỉnh Đồng Tháp	xã Thường Phước		Quyết định số 1443/QĐ-UBND ngày 10/11/2025 của UBND tỉnh	Ban QLDA tỉnh	2026-2029	450.000
27	Khắc phục khẩn cấp sạt lở bờ sông Tiên tại đường Nguyễn Hương (khóm Tân Tịch và khóm Tịnh Hưng), phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	phường Cao Lãnh		Quyết định số 1160/QĐ-UBND ngày 18/10/2025 của UBND tỉnh	Ban QLDA ĐTXD KV1	2026-2029	380.000
II	BỔ TRÍ ỔN ĐỊNH DÂN CƯ						
2.1	Dự án chuyển tiếp						
1	Di dân tập trung tuyến dân cư rạch Mã Trường, xã Tân Quới, huyện Thanh Bình	xã Tân Quới, huyện Thanh Bình	Quy mô: 4,61 ha. Dự kiến bố trí 191 hộ	Quyết định số 605/QĐ-UBND-HC ngày 02/6/2023 (UBND tỉnh Đồng Tháp trước sáp nhập)	Ban QLDA ĐTXD khu vực 1	2023-2025	75.793
2	Di dân tập trung tuyến dân cư kênh 17, xã Long Thuận, huyện Hồng Ngự	xã Long Thuận, huyện Hồng Ngự	Quy mô: 4,37 ha. Dự kiến bố trí 169 hộ	Quyết định số 606/QĐ-UBND-HC ngày 02/6/2023 (UBND tỉnh Đồng Tháp trước sáp nhập)	Ban QLDA ĐTXD khu vực 1	2023-2025	59.812

TT	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô dự án	Quyết định phê duyệt	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)
3	Dự án bố trí dân cư tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021-2025 (gồm 04 dự án thành phần)	(trên địa bàn 04 huyện: Hồng Ngự, Tam Nông, Thanh Bình và thành phố Cao Lãnh	Quy mô: 18,31 ha. Dự kiến bố trí 843 hộ	Quyết định số 463/QĐ-UBND-HC ngày 20/4/2023 (UBND tỉnh Đồng Tháp trước sáp nhập)	Sở XD phối hợp với UBND: phường Cao Lãnh, xã An Long, xã Long Phú Thuận	2024-2025	290.850
3.1	Dự án thành phần 01: Cụm dân cư Kênh 17, xã Long Thuận, huyện Hồng Ngự	Huyện Hồng Ngự	Quy mô: 6,478 ha. Dự kiến bố trí 287 hộ		xã Long Thuận		103.900
3.2	Dự án thành phần 02: Cụm dân cư An Phong, xã An Phong, huyện Thanh Bình	Huyện Thanh Bình	Quy mô: 5,13 ha. Dự kiến bố trí 236 hộ		xã An Phong		82.600
3.3	Dự án thành phần 03: Cụm dân cư An Long, xã An Long, huyện Tam Nông	Huyện Tam Nông	Quy mô: 3,958 ha. Dự kiến bố trí 185 hộ		xã An Long		62.500
3.4	Dự án thành phần 04: Cụm dân cư Tân Thuận Đông, xã Tân Thuận Đông, thành phố Cao Lãnh	Thành phố Cao Lãnh	Quy mô: 2,74 ha. Dự kiến bố trí 144 hộ		xã Tân Thuận Đông		41.900
2.2	Dự án mở mới						
1	Bố trí ổn định dân cư khẩn cấp khu vực sạt lở nguy hiểm xã Hiệp Đức - đoạn 2, tỉnh Đồng Tháp	xã Hiệp Đức		Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 14/11/2025	Ban QLDA Nông nghiệp	2027-2029	140.000

TT	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô dự án	Quyết định phê duyệt	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)
2	Bố trí ổn định dân cư khẩn cấp khu vực sạt lở nguy hiểm xã Bình Ninh - đoạn 2, tỉnh Đồng Tháp	xã Bình Ninh		Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 14/11/2025	Ban QLDA Nông nghiệp	2027-2029	88.000
3	Bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai		Sắp xếp bố trí ổn định 1.186 hộ	Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 14/11/2025	Sở NN-MT	2027-2029	231.000
4	Hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật đối với các cụm tuyến dân cư vượt lũ giai đoạn 1 và giai đoạn 2		Tiếp tục đầu tư trong giai đoạn tiếp theo, tương tự như đã thực hiện trong giai đoạn 2021-2025	Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 14/11/2025	Sở NN-MT	2027-2029	360.000
III	PHÒNG CHỐNG HẠN MẶN, THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU						
3.1	Dự án chuyển tiếp						
1	Đầu tư xây dựng công ngăn mặn tại đầu các kênh rạch ra sông Tiền trên Đường tỉnh 864 (giai đoạn 1)	Phường Trung An, xã Kim Sơn, xã Vĩnh Kim, xã Ngũ Hiệp	6 công gồm: Rạch Gầm, Phú Phong, Cây Còng, Hai Tân, Mù U, Cái Sơn và tuyến đê dọc sông Tiền	Quyết định số 2260/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 (UBND tỉnh Tiền Giang trước sáp nhập)	Ban NN	2021-2026	846.360

TT	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô dự án	Quyết định phê duyệt	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)
2	Mạng đường ống cấp nước đến hộ gia đình sau tuyến ống chính của Dự án thành phần số 7			Quyết định số 1202/QĐ-UBND.HC ngày 21/11/2023 của UBND tỉnh (UBND tỉnh Đồng Tháp trước sáp nhập)	Sở NN-MT	2024-2026	33.330
3	Cống rạch Chợ, huyện Chợ Gạo	xã Bình Ninh		Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 14/11/2025	BQL KV 4	2025-2027	14.910
3.2	Dự án mở mới						
1	Đầu tư xây dựng hệ thống cống ngăn mặn tại đầu các kênh rạch ra sông Tiền trên Đường tỉnh 864 (giai đoạn 2) - Hạng mục Cống Ba Rài, cống Âu trên sông Cái Bè	phường Thanh Hoà, xã Bình Phú		Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 14/11/2025	Ban QLDA Nông nghiệp	2026-2029	1.014.000
2	Đầu tư xây dựng các hồ trữ nước phục vụ sản xuất và dân sinh đảm bảo an ninh nguồn nước tỉnh Đồng Tháp			Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 14/11/2025	Ban QLDA Nông nghiệp	2026-2029	4.382.000
3	Đầu tư xây dựng hồ trữ nước Tân Phú Đông	xã Tân Phú Đông		Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 14/11/2025	Ban QLDA Nông nghiệp	2026-2029	254.620

TT	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô dự án	Quyết định phê duyệt	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)
4	Đầu tư xây dựng cống ngăn triều xã Ngũ Hiệp	xã Ngũ Hiệp		Nghị quyết số 120/NQ-HĐND ngày 23/12/2025	Ban QLDA ĐTXD KV3	2027-2029	99.000
5	Đê biển Tân Phú Đông	xã Tân Phú Đông		Nghị quyết số 120/NQ-HĐND ngày 23/12/2025	Ban QLDA Nông nghiệp	2026-2029	1.437.000
6	Nâng cấp đê bao Tây sông Long Điền			Nghị quyết số 120/NQ-HĐND ngày 23/12/2025	Ban QLDA ĐTXD KV3	2027-2029	18.000
7	Đầu tư nâng cấp các tuyến đê (đê Soài Rạp; đê Đông rạch Gò Công; đê Tây rạch Gò Công; đê Long Chánh; đê rạch Tràm - Ninh Đông, đê Nhánh 1) ngăn mặn, ngăn triều trong vùng ngọt quá Gò Công			Nghị quyết số 120/NQ-HĐND ngày 23/12/2025	Sở NN-MT	2028-2030	62.200
IV	CÔNG TRÌNH KHU NEO ĐẬU, TRÁNH TRÚ BÃO						
1	Cảng cá Đồng Tháp	xã Gia Thuận		Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 14/11/2025	Ban QLDA Nông nghiệp	2023-2026	593.000
2	Khu neo đậu tránh trú bão Long ũng	xã Gia Thuận		Nghị quyết số 120/NQ-HĐND ngày 23/12/2025	Ban QLDA ĐTXD KV4	2027-2029	15.000

Phụ lục 02
DANH MỤC DỰ ÁN KHẨN CẤP THỰC HIỆN NĂM 2026
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 342/KH-UBND ngày 24 tháng 03 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

TT	Dự án	Mô tả	Sản phẩm/ kết quả	Cơ quan thực hiện	Thời gian
1	Dự án Khắc phục khẩn cấp sạt lở sông Tiền khu vực Kè chống xói lở bờ sông Tiền, xã Thường Phước, tỉnh Đồng Tháp.	Khắc phục khẩn cấp và khôi phục hiện trạng 1.100m công trình phòng chống sạt lở, sụp lún bờ sông Tiền tại khu vực Kè chống xói lở bờ sông Tiền khu vực xã Thường Phước, tỉnh Đồng Tháp, kịp thời đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản người dân và doanh nghiệp, an toàn công trình phòng chống thiên tai, hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và giao thông đi lại của người dân.	Công trình	Ban Quản lý dự án tỉnh Đồng Tháp	Từ ngày ban hành Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp đến 31/12/2026 (số 1161/QĐ-UBND ngày 18/10/2025 và số 1443/QĐ-UBND ngày 10/11/2025)
2	Dự án khắc phục khẩn cấp sạt lở bờ sông Tiền tại đường Nguyễn Hương (khóm Tân Tịch và khóm Tịnh Hưng), phường Cao Lãnh	Khắc phục khẩn cấp sạt lở, sụp lún bờ sông Tiền tại đường Nguyễn Hương (khóm Tân Tịch và khóm Tịnh Hưng), phường Cao Lãnh kịp thời đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản người dân, an toàn hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và giao thông đi lại của người dân	Công trình	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực 1	Từ ngày ban hành Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp đến 31/12/2026 (số 1160/QĐ-UBND ngày 18/10/2025)
3	Dự án khắc phục khẩn cấp sạt lở bờ sông Tiền khu vực ấp Tân Quới, xã Tân Long, tỉnh Đồng Tháp (Từ bến đò An Long - Tân Quới về phía thượng nguồn).	Khắc phục khẩn cấp sạt lở, sụp lún bờ sông Tiền khu vực ấp Tân Quới, xã Tân Long, tỉnh Đồng Tháp kịp thời đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản người dân, an toàn hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và giao thông đi lại của người dân	Công trình	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực 1	Từ ngày ban hành Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp đến 31/12/2026 (số 3049/QĐ-UBND ngày 22/12/2025)

Phụ lục 03
NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 342/KH-UBND ngày 24 tháng 03 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

TT	Nội dung, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian
I	Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức, kỹ năng về công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai			
1	Tổ chức tập huấn, tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến pháp luật, cơ chế, chính sách, kỹ năng về phòng, chống thiên tai và các nội dung liên quan đến phòng, chống thiên tai.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành tỉnh; UBND xã, phường	Thường xuyên, hằng năm
2	Đẩy mạnh thông tin, truyền thông; triển khai cơ chế chia sẻ, trao đổi thông tin, dữ liệu về hoạt động phòng, chống thiên tai giữa các cơ quan, đơn vị và địa phương trên địa bàn tỉnh.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Báo và PTTH Đồng Tháp; UBND xã, phường	Thường xuyên, hằng năm
3	Nâng cao kiến thức, năng lực, kỹ năng tuyên truyền, vận động, hướng dẫn tổ chức phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai cho cán bộ, công chức và Nhân dân; kỹ năng nhận biết các tình huống khẩn cấp và các biện pháp ứng phó thiên tai.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Khoa học và Công nghệ; UBND xã, phường	Thường xuyên, hằng năm
II	Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách, phương án, quy hoạch về phòng, chống thiên tai			
1	Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, ban hành các cơ chế, chính sách, quy định về phòng, chống thiên tai; lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tư pháp; các Sở, ngành liên quan	Giai đoạn 2026-2030
2	Rà soát, cập nhật các kế hoạch, phương án phòng, chống thiên tai; phương án huy động lực lượng, vật tư, phương tiện và các kịch bản ứng phó thiên tai phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Công an tỉnh; các Sở, ngành liên quan	Hằng năm

TT	Nội dung, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian
3	Rà soát, cập nhật quy trình vận hành công trình thủy lợi, hệ thống cống, đập, kênh, rạch phục vụ phòng, chống thiên tai; bảo đảm chủ động tiêu thoát lũ, điều tiết nguồn nước phục vụ sản xuất và đời sống Nhân dân.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Tháp; UBND xã, phường	Thường xuyên
4	Rà soát, đánh giá mức độ an toàn của hệ thống cơ sở hạ tầng; lồng ghép yêu cầu phòng, chống thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu trong quy hoạch, kế hoạch phát triển đô thị, khu dân cư và hạ tầng trên địa bàn tỉnh.	Sở Xây dựng	Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Môi trường và các Sở, ngành liên quan	Giai đoạn 2026-2030
III. KIỆN TOÀN TỔ CHỨC BỘ MÁY, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC				
1	Kiện toàn tổ chức bộ máy chỉ đạo, điều hành, tham mưu về phòng chống thiên tai các cấp nhằm bảo đảm sự thống nhất trên toàn tỉnh.	Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh	Ban Chỉ huy PTDS xã, phường	Hàng năm
2	Rà soát sắp xếp, kiện toàn hệ thống Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự các cấp theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, địa phương và từng thành viên Ban Chỉ huy.	Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh	Ban Chỉ huy PTDS xã, phường	Năm 2026
3	Xây dựng, ban hành và thực hiện nghiêm quy chế phối hợp liên ngành; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kịp thời khắc phục tình trạng chồng chéo, bị động trong xử lý các tình huống thiên tai	Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh	Sở Nông nghiệp & MT và các Sở, ngành, địa phương	2026-2027
4	Rà soát, hoàn thiện cơ chế quản lý và sử dụng Quỹ phòng, chống thiên tai, Quỹ phòng thủ dân sự cấp tỉnh bảo đảm đúng quy định, hiệu quả và bền vững	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Tài chính	UBND xã, phường	Năm 2026
5	Củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai ở cơ sở; bảo đảm khả năng xử lý kịp thời, linh hoạt các tình huống thiên tai theo phương châm “4 tại chỗ”.	UBND các xã, phường	Các Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Sở NN&MT và các Sở, ngành liên	Giai đoạn 2026-2030

TT	Nội dung, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian
			quan	
6	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho lực lượng làm công tác phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và lực lượng tham gia ứng phó tại địa phương nhằm nâng cao năng lực chỉ huy, điều hành và kỹ năng xử lý tình huống thiên tai.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bộ CHQS tỉnh; Công an tỉnh và các Sở, ngành liên quan	Giai đoạn 2026-2030
7	Triển khai thực hiện Đề án phát triển nâng cao năng lực ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đến năm 2030, định hướng đến năm 2045.	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Các Sở, ngành, địa phương	Giai đoạn 2026-2030
IV	Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo và ứng dụng khoa học – công nghệ			
1	Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học – công nghệ và chuyển đổi số trong công tác phòng, chống thiên tai.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở NN&MT và các Sở, ngành, địa phương	Năm 2026 và các năm tiếp theo
2	Nâng cao năng lực cảnh báo, dự báo, theo dõi, giám sát và cung cấp thông tin về thiên tai trên địa bàn tỉnh.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành, địa phương	Thường xuyên
3	Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ viễn thám, ảnh vệ tinh, thiết bị bay không người lái (UAV), hệ thống thông tin địa lý (GIS) và các công nghệ số trong theo dõi, giám sát thiên tai, đánh giá rủi ro và hỗ trợ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành phòng, chống thiên tai.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành, địa phương	Thường xuyên
4	Cập nhật bản đồ rủi ro thiên tai phục vụ công tác chỉ đạo, chỉ huy trong phòng, chống thiên tai.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND xã, phường	Năm 2026 và các năm tiếp theo
V	Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực cho công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai			
1	Rà soát, ưu tiên bố trí nguồn lực trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026–2030 và nguồn dự phòng ngân sách hằng năm để thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình về phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các Sở, ngành; UBND xã,	Năm 2026 và các năm tiếp theo

TT	Nội dung, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian
			phường	
2	Rà soát, điều chỉnh và lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai trong các quy hoạch ngành, quy hoạch có tính chất chuyên ngành và quy hoạch phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh, bảo đảm yêu cầu phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro thiên tai.	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các Sở, ngành; UBND xã, phường	Hàng năm
3	Trang bị phương tiện, trang thiết bị, vật tư cần thiết phục vụ công tác phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và cứu hộ, bảo đảm đáp ứng yêu cầu ứng phó trong các tình huống thiên tai.	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các Sở, ngành; UBND xã, phường	Giai đoạn 2026-2030
VI	Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng			
1	Đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền về phòng, chống thiên tai; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, hệ thống thông tin cơ sở, phương tiện truyền thông đại chúng để cung cấp thông tin, hướng dẫn kỹ năng ứng phó thiên tai cho người dân.	Sở Văn hóa, thể thao và du lịch	Sở Nông nghiệp và Môi trường, các Sở, ngành, địa phương	Hàng năm
2	Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực tuyên truyền, hướng dẫn phòng, chống thiên tai cho cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng xung kích và đội ngũ làm công tác thông tin, tuyên truyền ở cơ sở.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành, địa phương	Hàng năm
3	Tuyên truyền, vận động Nhân dân chủ động tham gia phòng, chống thiên tai tại cộng đồng; lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào các phong trào, cuộc vận động, hoạt động sinh hoạt cộng đồng; chú trọng các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương.	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường, các Sở, ngành, địa phương	Hàng năm
VII	Tăng cường hợp tác, hội nhập quốc tế			
1	Tăng cường hợp tác với các bộ, ngành trung ương, các tỉnh trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và các tổ chức trong, ngoài nước nhằm trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm và phối hợp triển khai các hoạt động phòng, chống thiên tai.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	các Sở, ngành, địa phương	Hàng năm

TT	Nội dung, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian
2	Chủ động tham gia, triển khai các chương trình, dự án hợp tác quốc tế về giảm nhẹ rủi ro thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu; tiếp nhận, ứng dụng công nghệ, giải pháp kỹ thuật, mô hình quản lý tiên tiến và huy động các nguồn hỗ trợ hợp pháp phục vụ công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	các Sở, ngành, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2030
VIII	Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát trong công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai			
1	Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của tỉnh về phòng, chống thiên tai; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những hạn chế, bất cập trong quá trình triển khai thực hiện.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thanh tra tỉnh; các sở, ngành liên quan; UBND xã, phường	Hàng năm
2	Kiểm tra, giám sát việc xây dựng và thực hiện kế hoạch, phương án phòng, chống thiên tai; việc quản lý, vận hành, bảo đảm an toàn các công trình phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành liên quan; UBND xã, phường	Hàng năm